

Số: 27/BC-THHL

Mường Tùng , ngày 26 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA TRƯỜNG
PTDTBT TH HUỖI LÈNG NĂM 2025

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập Trường PTDTBT TH Huỗi Lềng đã xây dựng phương án thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2025.

II. ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ

1. Về tình hình nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng.

a) Về tổ chức bộ máy

Trường hạng: I; Tổng số học sinh: 444 học sinh/20 lớp.

+ Lãnh đạo: 03 người (01 Hiệu trưởng, 02 phó Hiệu trưởng)

+ Các bộ phận: 04 tổ (03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng).

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 37 người

Trong đó:

+ Số viên chức: 37 người (BGH: 03 người, GV: 31 người, NV: 2 người).

+ Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 01 người (Bảo vệ: 01 người).

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 37 người

Giảm 1 giáo viên do nghỉ hưu

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ , quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ, quy chế công khai tài chính theo quy định.

- Lập dự toán ngân sách căn cứ vào chỉ tiêu biên chế.

- Các khoản chi ngân sách phải đúng nội dung, đúng định mức theo quy định pháp luật.

- Về thu sự nghiệp: Đơn vị thực hiện thu và cấp bù miễn giảm học phí theo nghị định 81/NĐ-CP và Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

- Tình hình chấp hành các chế độ tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị; quy định khác:

+ Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ chi tiêu hiện hành, Trường lập dự toán thu, chi ngân sách gửi UBND xã theo quy định của luật ngân sách;

+ Hàng năm đơn vị xây dựng báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính gửi UBND xã xét duyệt theo quy định hiện hành.

+ Đơn vị thực hiện kê khai, nộp đầy đủ, đúng thời gian các khoản thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

+ Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Đơn vị có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ với các nội dung về chi quản lý, nghiệp vụ, chi thường xuyên.

- Ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có)

- Ngân sách nhà nước cấp các nhiệm vụ không thường xuyên và kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho các đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Chi thường xuyên: Nguồn ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên và nguồn thu khác (nếu có), đơn vị được sử dụng để chi các nội dung sau:

+ Chi tiền lương: Đơn vị chi lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do nhà nước quy định. Khi nhà nước điều chỉnh tiền lương, ngân sách nhà nước cấp bổ sung tiền lương tăng thêm, sau khi đã trừ các nguồn bảo đảm tiền lương tăng thêm theo quy định.

+ Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Thủ trưởng đơn vị căn cứ tính chất công việc, khối lượng sử dụng, tình hình thực hiện năm trước, quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý nhưng tối đa không vượt quá mức cho do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ không thường xuyên và kinh phí mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản cho đơn vị cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện theo luật ngân sách và pháp luật hiện hành.

- Hàng năm đơn vị tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương.

2. Về giao tự chủ tài chính cho đơn vị

- Trường PTDTBT TH Huồi Lèng được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4) theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu sự nghiệp: Đơn vị thực hiện thu và cấp bù miễn giảm học phí theo nghị định 81/NĐ-CP và Nghị định 238/2025/NĐ-CP.

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu sự nghiệp:

+ Dự toán thu: 0 triệu đồng

+ Số thực hiện: 0 triệu đồng

- Chi thường xuyên:

+ Dự toán chi: 10.834 triệu đồng

+ Số thực hiện: 10.834 triệu đồng

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): 0 triệu đồng.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 0 triệu đồng

đ) Tình hình xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ, quy chế công khai tài chính theo quy định.

- Các khoản chi ngân sách phải đúng nội dung, đúng định mức theo quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu

Tiết kiệm chi mua văn phòng phẩm và tăng nguồn thu học phí.

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: Không thực hiện

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên: Không có

6. Những khó khăn tồn tại, nguyên nhân: Không

7. Đề xuất, kiến nghị: Không

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo)

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bùi Văn Mạnh



Hoàng Thanh Nghị

TRƯỜNG PTDTBT TH HUỖI LÈNG

Biểu mẫu báo cáo kèm theo Phụ lục số 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2025

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	37	37	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	36	36	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	1	1	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	5.611	5.611	
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i>	triệu đồng			
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:	triệu đồng			
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)	triệu đồng			
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN				



TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên	triệu đồng	10.834	10.834	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	triệu đồng	10.434	10.434,38	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	triệu đồng	115,95	114,76	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	triệu đồng	284,9	284,9	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	triệu đồng			
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí)</i>				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không				



TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)</i>				
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A. III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.